

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019
tại Công ty TNHH MTV KTCTTL VỤ BẢN

Thực hiện công văn số 202/TB- STC ngày 12/10/2020 của Sở Tài chính về việc kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2019.

Hôm nay, ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại văn phòng Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Vụ Bản, Đoàn kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2019 của Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp & PTNT tiến hành thông qua kết quả kiểm tra. Thành phần gồm có:

A. Đại diện lãnh đạo:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Quân | Phó giám đốc Sở Tài chính. |
| 2. Ông: Trần Đức Việt | Phó Giám đốc Sở NN & PTNT |

B. Các thành viên Đoàn kiểm tra

*** Đại diện Sở Tài chính:**

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| 1. Bà: Lê Thị Lan Phương | Trưởng phòng TCDN |
| 2. Ông: Đặng Ngọc Hoàn | Chuyên viên phòng TCDN |
| 3. Ông: Trần Trung Sinh | Chuyên viên phòng TCDN |
| 4. Bà: Nguyễn Diệu Hoa | Chuyên viên phòng TCDN |

*** Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

- | | |
|-------------------------|-----------------------------|
| 1. Ông: Nguyễn Văn Hiệu | Phó trưởng phòng TC Kế Toán |
| 2. Ông: Hà Thụy Sỹ | Trưởng phòng QLCTTL - CCTL |
| 3. Bà: Hà Thị Mai Hương | Kiểm soát viên |
| 4. Bà: Lại Thị Oanh | CV phòng QLCTTL- CCTL |

C. Đại diện Công ty TNHH MTV KTCTTL Vụ Bản:

- | | |
|--------------------------|----------------|
| 1. Ông: Nguyễn Hữu Ý | Chủ tịch |
| 2. Ông: Trần Đăng Lạp | Giám đốc |
| 3. Ông: Nguyễn Ngọc Hưng | Kế toán trưởng |

Cùng nhau lập biên bản kiểm tra báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

- Nội dung và phạm vi kiểm tra: Kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2019
- Thời gian kiểm tra: Từ ngày 14/10/2020 đến ngày 15/10/2020

Kết quả kiểm tra báo cáo tài chính năm 2019:

Căn cứ vào hồ sơ, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán. Sau khi xem xét, kiểm tra Đoàn kiểm tra thống nhất với Công ty một số nội dung sau.

I. Số liệu kiểm tra

(theo biểu đính kèm)

II. Nhận xét kiến nghị.

A. Nhận xét:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 được duy trì ổn định, thực hiện cơ bản các chỉ tiêu được UBND tỉnh giao tại Quyết định giao kế hoạch số 1387/QĐ-UBND, ngày 04/7/2019. Đảm bảo việc làm và thực hiện các chế độ cho người lao động theo quy định hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được công ty TNHH Kiểm toán Đông Á kiểm toán tại báo cáo số 47//2020/AEA-TC ngày 21/4/2020.

- Diện tích tưới tiêu mà công ty thực hiện năm 2019 là: 28.447,27 ha, bằng 96,51% so với kế hoạch năm 2019. Tổng doanh thu thực hiện năm 2019 là: 30.484 triệu đồng bằng 97,14% so với kế hoạch 2019 và bằng 92,24% so với thực hiện năm 2018.

- Công tác tài chính kế toán: Về cơ bản đã thực hiện theo các chế độ hiện hành, nộp báo cáo đúng thời gian quy định.

Tuy nhiên trong quá thực hiện còn một số tồn tại như sau:

- Công trình xây cầu Mới trên kênh tưới trạm bơm Cầu đá trị giá 122.525.000 đồng là công trình xây đúc, đủ điều kiện ghi tăng tài sản. Đơn vị chưa ghi tăng tài sản, tăng nguồn.

- Một số công cụ dụng cụ có thời gian tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh từ 1 năm tài chính trở lên khi xuất dùng công ty hạch toán 100% vào chi phí chưa đúng quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Công trình lắp đặt đường dây điện từ sau hộp công tơ và trạm bơm Nam Mắm giá trị 99.453.000 đồng, là công trình đủ điều kiện để ghi tăng tài sản cố định nhưng công ty hiện đưa hết vào chi phí sửa chữa công trình.

- Tổng giá trị công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng đến 31/12/2019 đang thiếu vốn và chưa cân đối được nguồn là 6.928.444.000 đồng. Trong đó:

+ Công trình Trạm bơm Đồng Lạc theo Quyết định của UBND tỉnh yêu cầu công ty cân tự cân đối số tiền là 2.500.000.000 đồng;

+ Một số công trình duy tu, sửa chữa thường xuyên chưa cân đối được từ nguồn hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi chuyển sang năm 2020 tiếp tục thực hiện là 4.428.444.000 đồng.

B. Kiến nghị:

Đề nghị lãnh đạo công ty chỉ đạo bộ phận kế hoạch tài vụ và các bộ phận liên quan rút kinh nghiệm, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại nêu trên đồng thời thực hiện:

- Đề nghị Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Vụ Bản xây dựng phương án trả nợ đối với các công trình duy tu, sửa chữa thường xuyên chưa cân đối được từ nguồn hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; thực hiện tu bổ, sửa chữa công trình theo thứ tự ưu tiên, đảm bảo dần không phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản từ năm trước sang năm sau. Khi xây dựng kế hoạch tu bổ sửa

chữa hàng năm phải cân đối với nguồn hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được hỗ trợ.

- Điều chỉnh hạch toán:

1. Tăng tài sản, tăng nguồn Công trình xây cầu máng trên kênh tưới trạm bơm Cầu đá trị giá 122.525.000 đồng.

Nợ TK 211 122.525.000 đồng

Có TK 411 122.525.000 đồng

2. Giảm chi phí, tăng lãi số tiền 4.083.333 đồng một số công cụ công ty xuất dùng 100% vào chi phí. (Ác quy - phiếu chi ngày 10/5: 4.083.333 đồng)

Nợ TK 242 4.083.333 đồng

Có TK 421 4.083.333 đồng

3. Ghi tăng tài sản, tăng lãi số tiền 99.453.000 đồng đối với công trình lắp đặt đường dây điện từ sau hộp công tơ và trạm bơm Nam Mắm:

Nợ TK 211 99.453.000 đồng

Có TK 421 99.453.000 đồng

Đồng thời trích khấu hao tài sản trên giảm lãi số tiền 7.859.995 đồng trích khấu hao của tài sản trên.

Nợ TK 421 7.859.995 đồng

Có TK 214 7.859.995 đồng

4. Tăng chi phí tu bổ sửa chữa, giảm lãi số tiền : 95.676.338 đồng.

Nợ TK 421 95.676.338 đồng

Có TK 154 95.676.338 đồng

- Lợi nhuận kế toán trước thuế trước kiểm tra: 189.770.439 đồng.

- Lợi nhuận kế toán trước thuế sau kiểm tra: 189.770.439 đồng.

Do điều kiện thời gian kiểm tra có hạn, Đoàn kiểm tra chưa kiểm tra chi phí tu bổ, sửa chữa công trình, xem xét tất cả hồ sơ, chứng từ kế toán của đơn vị đề nghị đơn vị tiếp tục tự rà soát, kiểm tra đảm bảo quản lý tài chính và hạch toán kế toán đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành.

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

Sở Tài chính

Sở Nông nghiệp

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Lê T. Lan Phương Nguyễn V. Hiệu Hà Thuỵ Sỹ Nguyễn Ngọc Hưng Nguyễn Hữu Ý

343778
CÔNG TY
HH MTV
HAI TH
TRÌNH TH
VỤ BẢN
AN - T. N

KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTKL VỤ BẢN NĂM 2019

Đơn vị tính: VNĐ

TT	CHỈ TIÊU	SỐ Q. TOÁN CỦA DN	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH	
				TĂNG	GIẢM
A	TỔNG TÀI SẢN	423.621.560.516	423.744.085.516	226.061.333	103.536.333
I	Tài sản ngắn hạn	16.532.658.859	16.436.982.521		95.676.338
1	Vốn bằng tiền	4.806.014.987	4.806.014.987		
	- Tiền	1.806.014.987	1.806.014.987		
	- Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	3.000.000.000		
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn				
	- Đầu tư ngắn hạn				
	- DP giảm giá đ.tư ngắn hạn				
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	11.220.619.303	11.220.619.303		
	- Phải thu khách hàng				
	- Trả trước cho người bán	11.206.305.097	11.206.305.097		
	- Phải thu nội bộ ngắn hạn				
	- Phải thu theo tiến độ kế hoạch				
	- Các khoản phải thu khác	14.314.206	14.314.206		
	- Dự phòng phải thu khó đòi (*)				
4	Hàng tồn kho	504.988.471	409.312.133		95.676.338
	- Hàng tồn kho	504.988.471	409.312.133		95.676.338
	- Dự phòng giảm giá HTK				
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.036.098	1.036.098		
	- Chi phí trả trước ngắn hạn				
	- Thuế GTGT được khấu trừ				
	- Thuế và các khoản khoản p.thu N	1.036.098	1.036.098		
	- Tài sản ngắn hạn khác				
II	Tài sản dài hạn	407.088.901.657	407.307.102.995	226.061.333	7.859.995
1	Các khoản phải thu dài hạn				
	- Phải thu dài hạn của khách hàng				
	- Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc				
	- Phải thu dài hạn nội bộ				
	- Phải thu dài hạn khác				
	- Dự phòng p.thu dài hạn khó đòi (*)				
2	Tài sản cố định hữu hình	389.596.877.113	389.810.995.118	221.978.000	7.859.995
	- Nguyên giá TSCĐ	454.627.290.694	454.849.268.694	221.978.000	
	- Tổng giá trị hao mòn lũy kế	-65.030.413.581	-65.038.273.576		7.859.995
3	Tài sản cố định vô hình	182.554.139	182.554.139		
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	577.189.065	577.189.065		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-394.634.926	-394.634.926		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
	- Đầu tư vào công ty con				
	- Đầu tư vào CT liên kết, liên doanh				
	- Đầu tư dài hạn khác				
	- Dự phòng giảm giá Đ.Tư TC dài hạn				
5	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17.166.104.655	17.166.104.655		
6	Tài sản dài hạn khác	143.365.750	147.449.083	4.083.333	
	- Chi phí trả trước dài hạn	143.365.750	147.449.083	4.083.333	



TT	CHỈ TIÊU	SỐ Q. TOÁN CỦA DN	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH	
				TĂNG	GIẢM
	- Tài sản dài hạn khác				
B	TỔNG NGUỒN VỐN	423.621.560.516	423.744.085.516	218.201.338	95.676.338
I	Tổng số nợ phải trả	2.338.542.917	2.338.542.917		
1	Nợ ngắn hạn	2.338.542.917	2.338.542.917		
	- Vay và nợ ngắn hạn				
	- Phải trả người bán	2.119.940.800	2.119.940.800		
	- Người mua trả tiền trước				
	- Thuế và các khoản phải nộp NN	37.418.174	37.418.174		
	- Phải trả người lao động				
	- Chi phí phải trả				
	- Phải trả nội bộ				
	- Phải trả theo tiến độ KH HĐXD				
	- Phải trả phải nộp khác	94.521.235	94.521.235		
	- Dự phòng phải trả ngắn hạn				
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	86.662.708	86.662.708		
2	Nợ dài hạn				
	- Vay và nợ dài hạn				
	- Doanh thu chưa thực hiện				
	- Dự phòng trợ cấp mất việc làm				
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	421.283.017.599	421.405.542.599	218.201.338	95.676.338
1	Vốn chủ sở hữu	421.283.017.599	421.405.542.599	218.201.338	95.676.338
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	405.902.825.326	406.025.350.326	122.525.000	
	- Quỹ đầu tư phát triển	14.500.000	14.500.000		
	- Quỹ dự phòng tài chính				
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu				
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân p	278.692.273	278.692.273	95.676.338	95.676.338
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	15.087.000.000	15.087.000.000		
2	Nguồn kinh phí quỹ khác				
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
	- Nguồn kinh phí				
	- Nguồn KP đã hình thành TSCĐ				
C	KẾT QUẢ SXKD				
1	Tổng doanh thu	30.484.036.632	30.484.036.632		
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh	30.207.000.000	30.207.000.000		
	- Thu nhập hoạt động tài chính	238.854.814	238.854.814		
	- Thu nhập khác	38.181.818	38.181.818		
2	Tổng chi phí	30.294.266.193	30.294.266.193		
	- Giá vốn hàng bán	26.950.405.229	26.950.405.229		
	- Chi phí bán hàng				
	- Chi phí QLDN	3.319.860.964	3.319.860.964		
	- Chi phí hoạt động tài chính				
	- Chi phí khác	24.000.000	24.000.000		
3	Lợi nhuận trước thuế	189.770.439	189.770.439		
	- C.phí thuế thu nhập DN	37.954.088	37.954.088		
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	151.816.351	151.816.351		